

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá hàng hoá, dịch vụ phục vụ công tác

khám chữa bệnh của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đại học Y Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm các mặt hàng chi tiết như Phụ lục 3 kèm theo.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Phan Hà Vân, Chuyên viên Phòng Vật tư thiết bị- Quản trị, Phòng 510, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. SĐT: 0906192996

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị - Quản trị, Phòng 510, tòa nhà A2, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 10 tháng 01 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá: Chi tiết trong Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hoá tại Phụ lục 03 kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hoá:

- Giao hàng hóa tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, mọi chi phí vận chuyển do nhà cung cấp chịu.

- Hàng hóa trong quá trình vận chuyển phải thực hiện theo quy định của nhà sản xuất.

- Địa điểm nhận hàng: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đặt hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Giá trị thanh toán: bằng số lượng thực tế nhà thầu đã thực hiện nhân với đơn giá cố định trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (nếu có).

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản trong vòng 90 ngày tính từ ngày cuối cùng của tháng xuất hóa đơn sau khi Bên A nhận được hóa đơn chứng từ hợp lệ, hợp pháp.

5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày ký

6. Các thông tin khác (nếu có).

- Kính đề nghị các công ty, các nhà cung cấp nghiên cứu kỹ các yêu cầu và làm theo hướng dẫn đã nêu tại các Phụ lục đính kèm thông báo này.

- Lưu ý: Để đánh giá đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa do công ty chào giá so với yêu cầu của Bệnh viện, đề nghị Công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu tại các phụ lục đính kèm thông báo. Các báo giá không cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu tại phụ lục của thông báo thì Bệnh viện sẽ không có đủ căn cứ để tổng hợp, xem xét.

- Được chào giá 1 hoặc nhiều mục hàng trong danh mục mời chào giá theo khả năng cung cấp của công ty.

- Đề nghị các công ty thực hiện lấy (các) file mẫu, thực hiện lập báo giá qua hệ thống hỗ trợ tại địa chỉ: <https://sites.google.com/view/hmuh-vttbqt/qu%E1%BA%A3n-l%C3%BD-ch%C3%A0o-gi%C3%A1-v8> hoặc quét mã QR phía dưới để truy cập.

Tài khoản truy cập guest@123 mật khẩu 121212.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTB-QT.



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 01

Các yêu cầu chung về lập báo giá

(Kèm theo Thông báo số 3623/TB-BVĐHYHN ngày 31 tháng 12 năm 2024)

STT	Thông tin	Chỉ tiêu	Đánh giá đáp ứng kỹ thuật của Báo giá
	Công ty phải lập bảng đáp ứng tính năng chi tiết của hàng hóa do Công ty chào so với yêu cầu của Bệnh viện như <u>Mẫu 1</u> tại Phụ lục 02	Có bảng đáp ứng với đầy đủ thông tin yêu cầu	Đáp ứng
		Không có bảng đáp ứng hoặc bảng đáp ứng không có đầy đủ thông tin	Không đáp ứng

- Bệnh viện đánh giá giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa công ty chào dựa trên cơ sở Bảng kê khai thông số kỹ thuật - **do công ty tự kê khai** – tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung do công ty tự kê khai. Trường hợp cần thiết Bệnh viện sẽ yêu cầu làm rõ, công ty phải cung cấp tài liệu để chứng minh.

- Yêu cầu kỹ thuật nêu trong Phụ lục 03 là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm. Công ty có thể chào loại hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn. Đối với các yêu cầu về *Tiêu chuẩn sản xuất, chế tạo và Xuất xứ*: hàng hóa chào giá phải **đáp ứng tối thiểu một trong 02 yêu cầu** nêu tại các cột này để được đánh giá Đạt.

- Trường hợp hàng hóa công ty chào **không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về Tính năng, thông số kỹ thuật và/hoặc Tiêu chuẩn sản xuất, chế tạo và Xuất xứ, Bệnh viện đề nghị công ty vẫn thực hiện chào giá** và ghi chú rõ các tiêu chí không đáp ứng. Bệnh viện sẽ xem xét tổng thể các tiêu chí và giá chào của công ty. Nếu (các) tiêu chí không đáp ứng không ảnh hưởng quá nhiều đến tính năng, công dụng, chất lượng của hàng hóa, Bệnh viện sẽ chấp thuận báo giá của công ty và điều chỉnh tiêu chí yêu cầu tương ứng để phù hợp với thực tế hàng hóa trên thị trường nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu chuyên môn và hiệu quả điều trị cho bệnh nhân.

- Các vật tư, lắp đặt (từ mục 11 đến 41) là phần Bệnh viện tính toán tối thiểu, nếu nhà thầu có thể khảo sát và nếu cần đề xuất số lượng nhiều hơn để đảm bảo việc hoàn thiện lắp đặt.

- Để đảm bảo tính đồng bộ, đề nghị công ty chào giá đầy đủ các danh mục hàng hóa trong 1 phần.

- Công ty cung cấp kèm theo Báo giá (các) kết quả trúng thầu **gần nhất** trong vòng 360 ngày (nếu có) của (các) thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Bệnh viện.

- Trường hợp công ty có nhiều mã sản phẩm cùng đáp ứng với nhiều mức giá khác nhau thì công ty làm cho mỗi mã sản phẩm một bảng đáp ứng kỹ thuật, báo giá mỗi sản phẩm riêng biệt.

PHỤ LỤC 02

Mẫu 1: Bảng đáp ứng kỹ thuật

(Kèm theo Thông báo số 3623 /TB-BVĐHYHN ngày 31 tháng 12 năm 2024)

BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT HÀNG HÓA CHÀO GIÁ

Yêu cầu mời chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 03)					Thông số kỹ thuật chào giá	Các điểm không đạt kèm thuyết minh
Tên phần	STT theo phần	STT TB mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật		
		..	...	...	Nêu các thông số kỹ thuật của hàng hóa tương ứng với các tính năng kỹ thuật yêu cầu	- Nêu rõ các thông số không đáp ứng của hàng hóa (nếu có) kèm theo thuyết minh/ lý giải - Trường hợp có công nghệ/ giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể
		..	...	...		
		..	...	...		

Mẫu 2: Bảng chào giá

BÁO GIÁ ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa, dịch vụ như sau:

1. Báo giá cho các hàng hoá và dịch vụ liên quan

Tên phần	STT theo phần	STT TB mời chào giá	Tên hàng hóa ⁽²⁾	Tên thương mại ⁽³⁾	Ký, mã, nhãn hiệu ⁽⁴⁾	Mã HS ⁽⁵⁾	Hãng sản xuất ⁽⁶⁾	Xuất xứ ⁽⁷⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁸⁾	Quy cách ⁽⁹⁾	Đơn vị tính ⁽¹⁰⁾	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽¹¹⁾ (VND)	Thuế, VAT (nếu có) ⁽¹²⁾ (%)	Đơn giá (đã bao gồm thuế phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan (nếu có)) ⁽¹³⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁴⁾ (VND)	Tiêu chuẩn ⁽¹⁵⁾	Đơn giá trúng thầu gần nhất ⁽¹⁶⁾ (VNĐ)	Tài liệu tham chiếu đơn giá trúng thầu gần nhất ⁽¹⁷⁾	Mã QR hoặc BarCode định danh hàng hóa ⁽¹⁸⁾
		1	Hàng hoá A																
		2	Hàng hoá B																
		n	...																

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm... [ghi ngày... tháng... năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁹⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 19.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi tên hàng hoá theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Tên hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên thương mại của hàng hoá tương ứng ghi tại cột “Tên hàng hóa”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể ký hiệu, mã hiệu của hàng hoá tương ứng với chủng loại hàng hoá ghi tại cột “Tên hàng hóa”.
- (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hàng hoá.
- (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể hãng sản xuất của hàng hoá tương ứng với chủng loại hàng hoá ghi tại cột “Tên hàng hóa”.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể xuất xứ của hàng hoá

- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể quy cách của hàng hoá
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn vị tính của hàng hoá
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hàng hoá hoặc toàn bộ; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tỷ lệ thuế giá trị gia tăng (%) (nếu có) cho từng hàng hoá.
- (13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị đơn giá của từng hàng hoá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hoá. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hoá (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

- (15) Công ty liệt kê (các) tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo, tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa (ưu tiên liệt kê tiêu chuẩn cao trước, thấp hơn sau); trường hợp có các tiêu chuẩn đặc thù thể hiện chất lượng tốt hơn thì liệt kê kèm theo (các) tài liệu chứng minh; Việc này rất quan trọng trong đánh giá chất lượng hàng hóa chào giá và xác định giá dự toán.

- (16) Công ty điền đơn giá trúng thầu gần nhất trong vòng 360 ngày (nếu có) của (các) hàng hoá tương tự đã chào giá cho Bệnh viện.

- (17) Công ty điền loại văn bản; số văn bản; ngày văn bản và tên cơ sở y tế ban hành văn bản

VD: Hợp đồng số 12/HĐ-XX ngày 01/03/2023 ký với Bệnh viện...../ Quyết định phê duyệt kết quả thầu số 11/QĐ-BV ngày 15/03/2023 của Bệnh viện.....

- (18) Công ty **ĐIỀN** một trong các trường hợp sau:

TH1: Có QR/Barcode trên từng sản phẩm

TH2: Chỉ có QR/Barcode trên hộp chứa nhiều sản phẩm

TH3: Không có QR/Barcode

Lưu ý QR/Barcode là mã định danh hàng hóa, không phải mã để vào xem trang web giới thiệu sản phẩm, trang youtube giới thiệu công ty

(19) Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC 03

Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của hàng hóa

(Kèm theo Thông báo số 3623/TB-BVĐHYHN ngày 31 tháng 12 năm 2024)

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự toán	Ghi chú
1	Dàn lạnh âm trần cassette Loại 1	- Nguồn điện: 220V/1p/50Hz - Loại Gas: R410A - Loại máy: Loại 2 chiều, 4 hướng, công nghệ inverter - Công suất tiêu thụ điện ≤ 0.04 kW - Công suất làm lạnh ≥ 2 kw - Công suất làm nóng ≥ 3 kw - $\varnothing 6 \leq$ Kích thước ống đồng dịch $\leq \varnothing 7$ - $\varnothing 9 \leq$ Kích thước ống đồng hơi $\leq \varnothing 10$ - Bộ lọc khí, hệ thống điều khiển hướng gió độc lập, cảm biến chuyển động của người. - Tương thích với hệ thống điều khiển trung tâm của hãng Mitsubishi đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	6	
2	Dàn lạnh âm trần cassette Loại 2	- Nguồn điện: 220V/1p/50Hz - Loại Gas: R410A - Loại máy: Loại 2 chiều, 4 hướng, công nghệ inverter - Công suất tiêu thụ điện ≤ 0.04 kW - Công suất làm lạnh ≥ 3 kw - Công suất làm nóng ≥ 4 kw - $\varnothing 6 \leq$ Kích thước ống đồng dịch $\leq \varnothing 7$ - $\varnothing 12 \leq$ Kích thước ống đồng hơi $\leq \varnothing 13$ - Bộ lọc khí, hệ thống điều khiển hướng gió độc lập, cảm biến chuyển động của người. - Tương thích với hệ thống điều khiển trung tâm của hãng Mitsubishi đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	11	
3	Dàn lạnh âm trần cassette loại 3	- Nguồn điện: 220V/1p/50Hz - Loại Gas: R410A - Loại máy: Loại 2 chiều, 4 hướng, công nghệ inverter - Công suất tiêu thụ điện ≤ 0.07 kW - Công suất làm lạnh ≥ 5 kw - Công suất làm nóng ≥ 6 kw - $\varnothing 6 \leq$ Kích thước ống đồng dịch $\leq \varnothing 7$ - $\varnothing 12 \leq$ Kích thước ống đồng hơi $\leq \varnothing 13$ - Bộ lọc khí, hệ thống điều khiển hướng gió độc lập, cảm biến chuyển động của người. - Tương thích với hệ thống điều khiển trung tâm của hãng Mitsubishi đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	5	
4	Dàn lạnh âm trần cassette loại 4	- Nguồn điện: 220V/1p/50Hz - Loại Gas: R410A - Loại máy: Loại 2 chiều, 4 hướng, công nghệ inverter - Công suất tiêu thụ điện ≤ 0.08 kW - Công suất làm lạnh ≥ 7 kw - Công suất làm nóng ≥ 8 kw - $\varnothing 9 \leq$ Kích thước ống đồng dịch $\leq \varnothing 10$ - $\varnothing 15 \leq$ Kích thước ống đồng hơi $\leq \varnothing 16$ - Bộ lọc khí, hệ thống điều khiển hướng gió độc lập, cảm biến chuyển động của người. - Tương thích với hệ thống điều khiển trung tâm của hãng Mitsubishi đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	2	
5	Dàn lạnh âm trần cassette Loại 5	- Nguồn điện: 220V/1p/50Hz - Loại Gas: R410A - Loại máy: Loại 2 chiều, 4 hướng, công nghệ inverter - Công suất tiêu thụ điện ≤ 0.14 kW - Công suất làm lạnh ≥ 11 kw - Công suất làm nóng ≥ 12 kw - $\varnothing 9 \leq$ Kích thước ống đồng dịch $\leq \varnothing 10$ - $\varnothing 15 \leq$ Kích thước ống đồng hơi $\leq \varnothing 16$ - Bộ lọc khí, hệ thống điều khiển hướng gió độc lập, cảm biến chuyển động của người. - Tương thích với hệ thống điều khiển trung tâm của hãng Mitsubishi đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	3	

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự toán	Ghi chú
6	Dàn lạnh âm trần cassette Loại 6	- Nguồn điện: 220V/1p/50Hz - Loại Gas: R410A - Loại máy: Loại 2 chiều, 4 hướng, công nghệ inverter - Công suất tiêu thụ điện ≤ 0.14 kW - Công suất làm lạnh ≥ 14 kw - Công suất làm nóng ≥ 16 kw - $\varnothing 9 \leq$ Kích thước ống đồng dịch $\leq \varnothing 10$ - $\varnothing 15 \leq$ Kích thước ống đồng hơi $\leq \varnothing 16$ - Bộ lọc khí, hệ thống điều khiển hướng gió độc lập, cảm biến chuyển động của người. - Tương thích với hệ thống điều khiển trung tâm của hãng Mitsubishi đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	1	
7	Dàn nóng giải nhiệt gió	- Loại máy: Dàn nóng 2 chiều, máy nén biến tần inverter - Loại Gas: R410A - $47 \text{ kw} \leq$ Công suất làm lạnh ≤ 48 kw - $52 \text{ kw} \leq$ Công suất sưởi ≤ 53 kw - Công suất tiêu thụ điện ≤ 14 kw - Nguồn điện: 380V/3p/50Hz - Độ ồn (lạnh/sưởi) ≤ 61 dB(A) - $F12 \leq$ Kích thước ống đồng dịch $\leq F13$ - $F28 \leq$ Kích thước ống đồng hơi $\leq F30$ - Dòng điện khởi động toàn bộ ≤ 8 A - Dòng điện máy cắt ≤ 41 A - Có phần mềm chạy trên máy tính để kiểm tra thông số toàn bộ hệ thống - Cánh tản nhiệt dàn nóng: sử dụng vật liệu chống ăn mòn - Các chức năng bảo vệ: bảo vệ quá áp, bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ quá dòng. - Tương thích với hệ thống điều khiển trung tâm của hãng Mitsubishi đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	3	
8	Dàn lạnh cassette 4 hướng thổi CSL: 11.2 kW (38.200 Btu)	- Nguồn điện: 220V/1p/50Hz - Loại Gas: R410A - Loại máy: Loại 2 chiều, 4 hướng, công nghệ inverter - Công suất tiêu thụ điện ≤ 0.14 kW - Công suất làm lạnh ≥ 11 kw - Công suất làm nóng ≥ 12 kw - $\varnothing 9 \leq$ Kích thước ống đồng dịch $\leq \varnothing 10$ - $\varnothing 15 \leq$ Kích thước ống đồng hơi $\leq \varnothing 16$ - Bộ lọc khí, hệ thống điều khiển hướng gió độc lập, cảm biến chuyển động của người.	Cái	8	
9	Dàn nóng VRF công suất lạnh: 12 HP (33.5 kW)	- Loại máy: Dàn nóng 2 chiều, máy nén biến tần inverter - Loại Gas: R410A - $33 \text{ kw} \leq$ Công suất làm lạnh ≤ 34 kw - $37 \text{ kw} \leq$ Công suất làm nóng ≤ 38 kw - $8 \text{ kw} \leq$ Công suất tiêu thụ điện ≤ 10 kw - Nguồn điện: 380V/3p/50Hz - Độ ồn ≤ 61 dB(A) - $\varnothing 12 \leq$ Kích thước ống đồng dịch $\leq \varnothing 13$ - $\varnothing 25 \leq$ Kích thước ống đồng hơi $\leq \varnothing 26$ - Dòng điện khởi động toàn bộ ≤ 5 A - Dòng điện máy cắt ≤ 21 A - Có phần mềm chạy trên máy tính để kiểm tra thông số toàn bộ hệ thống - Cánh tản nhiệt dàn nóng: sử dụng vật liệu chống ăn mòn - Các chức năng bảo vệ: bảo vệ quá áp, bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ quá dòng.	Cái	1	

STT	Danh mục hàng	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng dự	Ghi chú
10	Dàn nóng VRF công suất lạnh: 18 HP (50 kW)	- Loại máy: Dàn nóng 2 chiều, máy nén biến tần inverter - Loại Gas: R410A - 49 kw ≤ Công suất làm lạnh ≤ 51 kw - 55 kw ≤ Công suất làm nóng ≤ 57 kw - Công suất tiêu thụ điện ≤ 14 kw - Nguồn điện: 380V/3p/50Hz - 61 ≤ Độ ồn ≤ 62 dB(A) - Ø12 ≤ Kích thước ống đồng dịch ≤ Ø13 - Ø28 ≤ Kích thước ống đồng hơi ≤ Ø30 - Dòng điện khởi động toàn bộ ≤ 8A - Dòng điện máy cắt ≤ 43A - Có phần mềm chạy trên máy tính để kiểm tra thông số toàn bộ hệ thống - Cánh tản nhiệt dàn nóng: sử dụng vật liệu chống ăn mòn - Các chức năng bảo vệ: bảo vệ quá áp, bảo vệ quá nhiệt, bảo vệ quá dòng.	Cái	1	
11	Bộ chia gas dàn lạnh	Vật liệu: Đồng; Đáp ứng tiêu chuẩn của hãng sản xuất điều hòa chào từ mục 1 đến mục 7;	Bộ	27	
12	Bộ chia gas dàn nóng	Vật liệu: Đồng; Đáp ứng tiêu chuẩn của hãng sản xuất điều hòa chào từ mục 1 đến mục 7;	Bộ	2	
13	Bộ chia gas	Vật liệu: Đồng; Đáp ứng tiêu chuẩn của hãng sản xuất điều hòa chào từ mục 8 đến mục 10;	Bộ	6	
14	Attomat	- Dòng định mức: ≥32A - Điện áp định mức: 240VAC/415VAC - Dòng cắt danh định ICu: ≥6kA - Tần số: 50/60 Hz - Số cực: 1P"	Chiếc	10	
15	Băng cuốn bảo ôn	Chất liệu PVC - Độ dày: 0.25	kg	700	
16	Bảo ôn	Độ dày: 19mm (±2mm) - Vật liệu cách nhiệt	m	700	
17	Dây cáp điện loại 1	Cu/XLPE/PVC (3x6mm ² +1x4mm ²) + E4mm ²	m	100	
18	Dây cáp điện loại 2	Cu/XLPE/PVC (3x10mm ² +1x6mm ²) + E6mm ²	m	100	
19	Dây điện	Cu/PVC/PVC 2x1.5mm ² + E1.5mm ²	m	500	
20	Dây điện 2x2.5	Kích thước: 2x2.5 - Loại dây đôi 2 lõi - Chất liệu: ruột đồng - Vỏ bọc pvc cách điện	m	500	
21	Dây tín hiệu	2x0.75mm ²	m	500	
22	Điều khiển gắn tường loại 1	- Màn hình tinh thể lỏng LCD hiển thị toàn bộ tình trạng hoạt động. - Hiển thị chế độ hoạt động và dừng bằng đèn LED. - Hiển thị số cho phép điều khiển theo từng ±0.5°C - Có chế độ cài đặt quạt gió tự động, điều khiển cánh gió, tự đảo gió. - Có chức năng cài đặt chế độ làm việc theo tuần. - Có chức năng tự chuẩn đoán lỗi và thông báo sự cố trên màn hình. - Có chức năng khoá. - Tương thích với hệ thống điều khiển trung tâm của hãng Mitsubishi đang sử dụng tại Bệnh viện	Cái	28	
23	Điều khiển gắn tường loại 2	- Màn hình tinh thể lỏng LCD hiển thị toàn bộ tình trạng hoạt động. - Hiển thị chế độ hoạt động và dừng bằng đèn LED. - Hiển thị số cho phép điều khiển theo từng ±0.5°C - Có chế độ cài đặt quạt gió tự động, điều khiển cánh gió, tự đảo gió. - Có chức năng cài đặt chế độ làm việc theo tuần. - Có chức năng tự chuẩn đoán lỗi và thông báo sự cố trên màn hình. - Có chức năng khoá.	Cái	8	
24	Chi phí bốc xếp, cầu thiết bị		gói	1	
25	Gas R410A		kg	70	
26	Ghen ruột gà 25mm (ống ruột gà luồn dây điện)	- Chất liệu: Nhựa PVC. - Chịu nhiệt: 10 – 70 độ C.	m	1000	

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự toán	Ghi chú
27	Giá đỡ dàn nóng loại 1	- Chất liệu: Thép C150x50x5 (± 1 mm)	m	20	
28	Giá đỡ dàn nóng loại 2	- Chất liệu: Thép V70x70x3 (± 0.5 mm)	Bộ	2	
29	Ni tơ thun xi và hàn loại sạch (150Mpa/Bình)		Bình	10	
30	Ống đồng Ø6	Đường kính Ø6 (± 0.5 mm) - Độ dày: 0.71mm (± 0.05 mm)	m	150	
31	Ống đồng Ø 10	Đường kính Ø10 (± 0.5 mm) - Độ dày: 0.71mm (± 0.05 mm)	m	150	
33	Ống đồng Ø 12	Đường kính Ø12.7 (± 0.5 mm) - Độ dày: 0.81mm (± 0.05 mm)	m	150	
34	Ống đồng Ø 16	Đường kính Ø16 (± 0.5 mm) - Độ dày: 0.81mm (± 0.05 mm)	m	100	
36	Ống đồng Ø19mm	Đường kính Ø19.1 (± 0.5 mm) - Độ dày: 0.81mm (± 0.05 mm)	m	30	
37	Ống đồng Ø22 mm	Đường kính Ø28.6 (± 0.5 mm) - Độ dày: 1.2mm (± 0.05 mm)	m	20	
38	Ống đồng Ø28.6 mm	Đường kính Ø28.6 (± 0.5 mm) - Độ dày: 1.2mm (± 0.05 mm)	m	30	
39	Ống PVC Ø27	Độ dày: 1.4mm (± 0.5 mm)	m	100	
40	Ống PVC Ø34	Độ dày: 1.6mm (± 0.5 mm)	m	100	
41	Ống PVC Ø42	Độ dày: 1.7mm (± 0.5 mm)	m	100	